

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KIM LONG QUANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KIM LONG QUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM LONG QUANG INVESTMENT AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301226438

3. Ngày thành lập: 24/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Trần Xá, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0852928188

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng)	4662
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Trồng cây hàng năm khác	0119
11.	Trồng cây ăn quả	0121
12.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
13.	Trồng cây lâu năm khác	0129
14.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
15.	Khai thác thủy sản biển	0311

16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại)	8299
17.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
18.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
19.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
20.	Hoạt động thể thao khác	9319
21.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
22.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
23.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...	9610
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014 và khoản 2 Điều 75 Luật Đầu tư 2020)	6810
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp luật bất động sản) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 62,74,75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất	7410
27.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	4690
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
31.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
32.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
33.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
34.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

35.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4931
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 5,6,7,8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
38.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
39.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển (Điều 4 Nghị định 160/2016/NĐ-CP)	5012
40.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
41.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)	5610
45.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
46.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, vũ trường)	5630
48.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
49.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 6 Nghị định 52/2014/NĐ-CP)	7820
50.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động (Điều 5 Nghị định 55/2013/NĐ-CP)	7830

51.	Đại lý du lịch	7911
52.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành (Điều 30 Luật Du Lịch 2017)	7912
53.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
54.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
55.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
56.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
57.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
58.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
59.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
60.	Sản xuất điện	3511
61.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối và bán lẻ điện Điều 31 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP	3512
62.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
63.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
64.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
65.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Xây dựng công trình thủy	4291
74.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
75.	Phá dỡ (trừ nổ mìn)	4311
76.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ nổ mìn)	4312
77.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
78.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
79.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

6. Vốn điều lệ: 29.000.000.000 VNĐ

Gi